

UBND PHƯỜNG MŨNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MŨNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 24 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 831 trẻ (Trung tâm: 431; Hải Đông: 400 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					15.150.000		7.773.500		7.376.500
1	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	2,5	125.000	1,5	75.000	1	50.000
2	Khoai tây	30.000	Kg	15	450.000	8	240.000	7	210.000
3	Bún khô	45.000	Kg	17	765.000	9	405.000	8	360.000
4	Hạt sen khô	200.000	Kg	0,2	40.000	0,1	20.000	0,1	20.000
5	Đỗ xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	0,3	15.000	0,1	5.000	0,2	10.000
6	Cải ngọt	35.000	Kg	10,5	367.500	5,5	192.500	5	175.000
7	Tim lợn	370.000	Kg	2,5	925.000	1	370.000	1,5	555.000
8	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	26	3.380.000	13,5	1.755.000	12,5	1.625.000
9	Hành khô	60.000	Kg	1,3	78.000	0,8	48.000	0,5	30.000
10	Hành lá	45.000	Kg	1,9	85.500	1	45.000	0,9	40.500
11	Rau mùi	85.000	Kg	1	85.000	0,6	51.000	0,4	34.000
12	Tôm nõn	220.000	Kg	7,7	1.694.000	4,1	902.000	3,6	792.000
13	Trứng vịt	75000	Kg	32	2.400.000	16,5	1.237.500	15,5	1.162.500
14	Cà rốt	30000	Kg	4	120.000	2,5	75.000	1,5	45.000
15	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	5	2.750.000	2,5	1.375.000	2,5	1.375.000
16	Xương lợn	85.000	Kg	22	1.870.000	11,5	977.500	10,5	892.500
Nhóm xuất kho					4.395.000		2.362.500		2.032.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	71	1.420.000	36,5	730.000	34,5	690.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	6	360.000	3,5	210.000	2,5	150.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	11	2.530.000	6	1.380.000	5	1.150.000
Tổng chi					19.545.000		10.136.000		9.409.000
Tổng thu					19.545.120		10.137.120		9.408.000
Tồn ngày hôm trước					3.440		(80)		3.520
Thừa (Thiếu)					3.560		1.040		2.520

831	23.520
431	
400	